TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN SÓC SƠN** **THÀNH PHỐ HÀ NỘI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 138/2025/HSST
Ngày: 19/6/2025

NHÂN DANH NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN SÓC SƠN - THÀNH PHỐ HÀ NỘI

Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Bà **Trần Thị Bích Nguyệt**

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông **Nguyễn Duy Tuyên**

2. Ông **Nguyễn Văn Vĩ**

Thư ký phiên toà: Bà **Nguyễn Hà Ngân** - Thư ký Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn tham gia phiên toà: Bà **Phạm Thị Loan**, ông **Thiều Văn Thịnh** - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Toà án nhân dân huyện Sóc Sơn, thành phố Hà Nội xét xử công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 104/2025/HSST ngày 27 tháng 5 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 115/2025/QĐXXST-HS ngày 06 tháng 6 năm 2025 đối với bị cáo:

ĐỖ TRÍ V, sinh ngày 22/4/2000; Giới tính: Nam; Nơi cư trú: Thôn B, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội; Chức vụ trước khi phạm tội (Đảng, chính quyền, đoàn thể): Không; Nghề nghiệp: Lao động tự do; Trình độ văn hóa: 12/12; dân tộc: Kinh; Tôn giáo: không; Quốc tịch: Việt Nam; Con ông Đỗ Văn C (đã chết), con bà Trần Thị Kim T; Vợ, con: Chưa có. Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giam từ ngày 08/01/2025 đến nay.

Có mặt tại phiên tòa.

Người bị hại:

Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 2002

Địa chỉ: thôn Đ, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội. *Vắng mặt tại phiên tòa (có đơn xin vắng mặt).*

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng đầu năm 2023, Đỗ Trí V, sinh năm 2000, trú tại xã P, huyện P, thành phố Hà Nội có quan hệ tình cảm với chị Nguyễn Thị H, sinh năm 1994, trú tại thôn Đ, xã D, huyện H, thành phố Hà Nội. Chị Nguyễn Thị Minh N, sinh năm 2002 (em gái của H) biết là V đang làm việc tại Công ty cổ phần T3 thuộc cảng hàng không Quốc tế N nên nhờ V xin việc giúp vào làm tại Sân bay quốc tế N. Đến khoảng giữa năm 2023, V nghỉ việc, không có tiền chi tiêu cá nhân nên V nảy sinh ý định chiếm đoạt tài sản của chị N. V lên trang Web tìm hiểu và biết hãng hàng không V1 đang tuyển dụng vị trí checkin nên V thông báo cho chị N biết. Do tin tưởng V là người yêu của chị gái nên chị N đồng ý nhờ V giúp.

Khoảng đầu tháng 6/2023, V bảo chị N chuẩn bị một bộ hồ sơ và 20.000.000 đồng để xin việc. Ngày 08/6/2023, V cùng bà Trần Thị Kim T, sinh năm 1980, trú tại thôn B, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội (mẹ của V) cùng đến nhờ Cấn Thị Hải Y, sinh năm 1993, trú tại thôn C, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội để đi cùng V đến Sân bay N. Sau nhiều lần thuyết phục, Y đã đồng ý đi cùng V. V hẹn chị N đến quán café gần sân bay N rồi cùng Y đi đến quán, T ở nhà. Trên đường đi, V bảo với Y mục đích đi cùng để nhận 01 bộ hồ sơ và nhờ Y giới thiệu là quản lý nhân sự của Vietnam A. Tại quán café, V giới thiệu Y là quản lý nhân sự của hãng Vietnam A và V trực tiếp nhận 01 bộ hồ sơ, bên trong có 01 phòng bì 20.000.000 đồng của chị N. Sau khi nhận hồ sơ và tiền của chị N, V chở Y về nhà.

Đến ngày 14/6/2023, V tiếp tục thông báo cho chị N chuẩn bị chứng chỉ Tiếng Anh T1 và số tiền 20.000.000 đồng để đến gặp cán bộ đào tạo nhân sự của Vietnam A, chị N đồng ý. V hẹn đến quán C1 tại tòa nhà I tại số B X, quận C, Hà Nội. V cùng bà T đến nhờ Dương Thị H1, sinh năm 1989, trú tại thôn E, xã P, huyện P, thành phố Hà Nội đi công việc với V. Sau nhiều lần thuyết phục, H1 đồng ý đi cùng V. V, bà T, H1 cùng nhau đi đến quán café. Khi đến nơi, V cùng H1 vào quán café gặp chị N, bà T đi việc riêng. Tại đây, V giới thiệu H1 là cán bộ đào tạo nhân sự của Vietnam A. Chị N để 01 bộ hồ sơ, bên trong có 01 chứng chỉ tiếng anh T1 và 01 phong bì 20.000.000 đồng trên bàn. Khi ra về, V là người trực tiếp cầm bộ hồ sơ của chị N rồi chở H1 về.

Ngày 12/9/2023, V bảo chị N chuẩn bị số tiền 7.000.000 đồng và hẹn lên Sân bay N để đo đồng phục. Đồng thời V nhờ chị H1 giả là người đo đồng phục cho Công ty nơi V xin cho chị N vào làm việc. Khi V cùng chị N đến quán C2 tại nhà G, Sân bay N thì gặp H1. Do N không có tiền mặt nên V dẫn chị N đi rút tiền, H1 có nói với chị N tiền đồng phục có thể đóng cho người của Công ty hoặc đưa cho V nhờ nộp hộ, sau đó N đưa số tiền 7.000.000 đồng cho V.

Ngày 18/9/2023, V hẹn chị N đến quán C3 thuộc địa phận phường P, quận C, thành phố Hà Nội để gặp ông Lê Cao T2 - Giám đốc công ty V2. V dặn N chuẩn bị số tiền 10.000.000 đồng để nhờ ông T2 lo giúp Phiếu lý lịch tư pháp cho chị N. Chị N cùng chị H đến điểm hẹn, V đi cùng bà T. Khi đến nơi, V nhờ một người đàn ông quen biết qua xã hội (không nhớ rõ thông tin lai lịch) đóng giả làm ông Lê Cao T2. Tại quán café, chị N đưa 01 phong bì 10.000.000 đồng để trong giỏ hoa quả lên bàn. Sau khi xong việc, chị H và chị N về trước, người đàn ông đóng giả ông T2 xách giỏ hoa quả ra ngoài cổng rồi đưa lại phong bì cho V.

Ngày 04/10/2023, V tiếp tục bảo chị N chuẩn bị thêm 20.000.000 đồng để xin việc. Chị N đồng ý rồi V hẹn gặp tại đường D, quận C, Hà Nội. V cùng bà T tiếp tục đến nhờ Y đi cùng. Y đồng ý rồi cùng V, bà T đi ô tô đến gặp chị N. V có nhờ Y nhận hộ từ chị N 20.000.000 đồng nhưng Y từ chối, sau khi V thuyết phục nhiều lần thì Y đồng ý nhận hộ. Trên đường đi, bà T xuống xe trước đi có việc, V cùng Y đi đến điểm hẹn. Khi đến nơi, chị N nói không có tiền mặt nên đã đi rút tiền. Một lúc sau, N quay lại lên xe, ngồi cùng hàng ghế phía sau xe ô tô với Y và đưa cho Y một phong bì tiền, Y cầm rồi để luôn tại bệ tì tay xe ô tô. Chị N đi về thì V cầm phong bì tiền cất rồi chở Y về quán.

Ngày 13/10/2023, V tiếp tục bảo chị N chuẩn bị số tiền 13.790.000 đồng để đóng tiền phí đào tạo rồi hẹn đến Sân bay N nộp. Khi gặp V tại sân bay N, chị N đã trực tiếp đưa cho V số tiền 13.790.000 đồng cho V.

Tổng số tiền chị N đã đưa cho V để nhờ xin việc là **90.790.000 đồng**. Toàn bộ số tiền chiếm đoạt của chị N, V đã chi tiêu cá nhân hết.

Sau khi đưa tiền cho V nhưng chị N không được đi làm nên đã đòi lại tiền nhưng V không trả. Chị N tìm hiểu thì biết Y và H1 không phải là cán bộ của Vietnam A. Biết bị V lừa, chị N đến Công an huyện S trình báo sự việc.

Về dân sự: Ngày 05/4/2024, V đã trả lại 90.790.000 đồng cho chị N, chị N có đơn đề nghị xin giảm nhẹ trách nhiệm hình sự cho V.

Đối với hành vi của Cấn Thị Hải Y, Dương Thị H1, Trần Thị Kim T và người nam giới không rõ thông tin lai lịch đóng giả là ông T2, cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xác định vai trò đồng phạm trong vụ án. Ngày 28/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã ra Quyết định tách hành vi để tiếp tục xác minh làm rõ.

Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình. Lời khai nhận của bị cáo phù hợp với lời khai của bị hại, người liên quan, người làm chứng, biên bản tạm giữ đồ vật, tài liệu và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, bị cáo không kêu oan và xin giảm nhẹ mức hình phạt và xin được hưởng án treo.

Tại bản cáo trạng số 99/CT-VKS ngày 26/5/2025 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" theo Điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn duy trì quyền công tố tại phiên toà, sau khi phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo, đánh giá các tài liệu, chứng cứ, tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo vẫn giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử.

Căn cứ Điểm c Khoản 2 Điều 174, điểm b, s khoản 1, Khoản 2 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52; Điều 65 Bộ Luật hình sự năm 2015; Khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự.

Xử phạt bị cáo từ 30 đến 36 tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 05 (năm) năm kể từ ngày tuyên án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Không áp dụng hình phạt bổ sung đối với cáo.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Minh N đã nhận lại đủ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm nên không phải giải quyết.

Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

[1] Trên cơ sở nội dung vụ án, sau khi xem xét toàn diện lời khai của bị cáo, người bị hại và các tài liệu chứng cứ khác đã được thẩm tra công khai tại phiên toà, có đủ cơ sở kết luận:

Do cần tiền tiêu xài cá nhân, nên trong khoản thời gian từ tháng 6/2023 đến tháng 10/2023, Đỗ Trí V đưa ra các thông tin không đúng sự thật để tạo niềm tin xin việc cho chị Nguyễn Thị Minh N nhằm mục đích chiếm đoạt số tiền **90.790.000** đồng.

Hành vi của bị cáo đã cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản". Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn truy tố bị cáo theo Điểm c Khoản 2 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015 là có căn cứ.

Nội dung điều luật quy định:

"Điều 174. Tội lừa đảo chiếm đoạt tài sản.

"1. Người nào bằng thủ đoạn gian dối chiếm đoạt tài sản của người khác trị giá từ 2.000.000 đồng đến dưới 50.000.000 đồng[...], thì bị phạt cải tạo không giam giữ đến 03 năm hoặc phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 02 năm đến 07 năm:

...

c) Chiếm đoạt tài sản trị giá từ 50.000.000 đồng đến dưới 200.000.000 đồng".

...

5. Người phạm tội còn có thể bị phạt tiền từ 10.000.000 đồng đến 100.000.000 đồng...".

Hành vi của bị cáo đã trực tiếp xâm hại quyền sở hữu tài sản của người khác được pháp luật bảo vệ, gây mất trật tự trị an, ảnh hưởng an toàn xã hội. Bị cáo là người đã thành niên, nhận thức được hành vi của mình là nguy hiểm cho xã hội, bị Nhà nước quy định là tội phạm, nhưng vẫn cố ý dùng thủ đoạn gian dối để chiếm đoạt tài sản của người khác thể hiện sự coi thường pháp luật.

[2] Về tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ:

Mặc dù việc chiếm đoạt tiền của chị Nguyễn Thị Minh N được bị cáo thực hiện thành các lần khác nhau và mỗi lần số tiền chiếm đoạt đều đạt mức cơ bản trong cấu thành tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản" nhưng hành vi của bị cáo chỉ thực hiện chiếm đoạt của một người, thực hiện một cách liên tục và các bước bị cáo đưa ra thông tin như: nộp hồ sơ, đo đồng phục…để chiếm đoạt tiền đều thuộc phạm vi của việc hứa xin việc làm cho chị N nên chỉ cộng tổng số tiền đã chiếm đoạt để xem xét trách nhiệm hình sự mà không bắt bị cáo chịu tình tiết tăng nặng "phạm tội nhiều lần" theo quy định tại Điểm g Khoản 1 Điều 52 Bộ luật hình sự.

Bị cáo phạm tội lần đầu, quá trình điều tra và tại phiên toà, thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; bị hại là đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không có yêu cầu gì

thêm về phần dân sự đồng thời xin miễn truy cứu trách nhiệm hình sự cho bị cáo là các tình tiết giảm nhẹ mà bị cáo được hưởng quy định tại điểm b, s Khoản 1 khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự.

Từ những nhận định trên, Hội đồng xét xử thấy cần có một hình phạt tương xứng với tính chất, mức độ hành vi phạm tội của bị cáo. Bị cáo có nhân thân tốt, phạm tội lần đầu, đã khắc phục bồi thường đầy đủ cho người bị hại, được người bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; số tiền của các lần chiếm đoạt đều thuộc trường hợp ít nghiêm trọng; có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự, có nơi cư trú cụ thể, rõ ràng nên cho bị cáo cải tạo ngoài xã hội dưới sự giám sát của chính quyền địa phương cũng đủ tác dụng giáo dục bị cáo và phòng ngừa chung.

Ngoài hình phạt chính bị cáo còn có thể bị phạt tiền để sung công quỹ Nhà nước theo quy định tại khoản 5 Điều 174 Bộ luật hình sự năm 2015. Xét thấy bị cáo là người lao động tự do, thu nhập không ổn định, nên không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo.

Về dân sự: Chị Nguyễn Thị Minh N đã nhận lại toàn bộ số tiền bị chiếm đoạt, không yêu cầu gì thêm nên không phải giải quyết.

Đối với hành vi của Cấn Thị Hải Y, Dương Thị H1, Trần Thị Kim T và người nam giới không rõ thông tin lai lịch đóng giả là ông T2, cơ quan điều tra chưa đủ căn cứ để xác định vai trò đồng phạm trong vụ án. Ngày 28/4/2025, Cơ quan Cảnh sát điều tra - Công an thành phố H đã ra Quyết định tách hành vi để tiếp tục xác minh làm rõ.

[4] Về hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện S, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Sóc Sơn, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật tố tụng hình sự. Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng hình sự.

[5] Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm theo quy định tại Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

[6] Về quyền kháng cáo: Bị cáo, người bị hại có quyền kháng cáo theo quy định tại Điều 331 và 333 Bộ luật tố tụng hình sự.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ:

- Điểm c Khoản 2 Điều 174; Điểm b, s khoản 1 khoản 2 Điều 51; Điều 65 Bộ luật hình sự năm 2015;
- Điều 135, 326, 331, 333; Khoản 4 Điều 328 Bộ luật tố tụng hình sự;
- Điểm a Khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội về án phí và lệ phí Toà án.

Xử phạt bị cáo Đỗ Trí V 30 (ba mươi) tháng tù nhưng cho hưởng án treo, thời gian thử thách 60 (sáu mươi) tháng kể từ ngày tuyên án về tội "Lừa đảo chiếm đoạt tài sản".

Trả tự do cho bị cáo ngay tại phiên tòa nếu bị cáo không bị tạm giữ, tạm giam về một tội phạm khác.

Giao bị cáo cho Ủy ban nhân dân xã P, huyện P, thành phố Hà Nội giám sát giáo dục trong thời gian thử thách.

Trường hợp bị cáo thay đổi nơi cư trú được thực hiện theo quy định tại Điều 92 Luật thi hành án hình sự. Trong thời gian thử thách, người được hưởng án treo cố ý vi phạm nghĩa vụ 02 lần trở lên thì Tòa án có thể quyết định buộc người được hưởng án treo phải chấp hành hình phạt tù của bản án đã cho hưởng án treo.

Về án phí: Bị cáo phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm để sung Ngân sách nhà nước.

Bị cáo có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày được tống đạt hợp lệ bản án.

Nơi nhận:
- *Bị cáo*;
- *VKSND huyện Sóc Sơn*;
- *Công an huyện Sóc Sơn*;
- *THADS huyện Sóc Sơn*;
- *Đương sự*;
- *Lưu HS, VP*.

T/M Hội đồng xét xử sơ thẩm
Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà

Trần Thị Bích Nguyệt